TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SA PA - TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2023/HNGĐ - ST Ngày: 22/3/2023 *V/v "Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con chung"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SA PA – TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Minh Huấn;

2. Ông Đỗ Trọng Bằng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thanh Hương – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2022/TLST – HNGĐ ngày 14/11/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023 ngày 06/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa giữa:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị L, sinh năm 1994 - Địa chỉ: Thôn L, xã H, thị xã S, tỉnh L. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lồ A, sinh năm: 1991 - Địa chỉ: Thôn L, xã H, thị xã S, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2022 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Lý Thị L trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị L và anh L1 A D đăng ký kết hôn với nhau ngày 30/05/2012 tại ủy ban nhân dân xã L3, huyện S, tỉnh L (Nay là UBND phường C1, thị xã S), trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau. Sau khi kết hôn hai vợ

chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến giữa năm 2022, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không hòa thuận với nhau trong việc làm ăn kinh tế, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng tôi đã sống ly thân, từ tháng 9 năm 2022 đến nay. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị L với anh D theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị L với anh D có 04 con chung là cháu Lồ Thị M, sinh ngày 24/01/2013, cháu Lồ Thị D1, sinh ngày 02/6/2015, cháu Lồ Thị C, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Lồ Minh P, sinh ngày 14/5/2021. Hiện cháu M, cháu D1 và cháu C đang sống chung cùng với ông bà nội từ thứ 2 đến thứ 6, đến thứ 7, chủ nhật thì lên ở với mẹ tại tổ B, phường C, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Cháu P đang ở cùng với chị L, thỉnh thoảng anh L1 A D2 đón về ở với ông bà nội.

Khi ly hôn chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được chăm sóc và nuôi dưỡng 02 cháu Lồ Thị M và Lồ Thị D1 đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, anh L1 A D2 nuôi 02 cháu Lồ Thị C và Lồ Minh P đến khi đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dương nuôi con chung cho bên nào.

- Về thu nhập cá nhân: Do chị L làm nghề buôn bán hàng thổ cẩm, nhưng thu nhập không ổn định qua các tháng, nên không cung cấp được xác nhận thu nhập để chuyển cho Tòa án.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Về án phí giải quyết ly hôn chị L đề nghị là người chịu án phí, anh D không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn anh L1 A D2 trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh D và chị L đăng ký kết hôn với nhau ngày 30/05/2012 tại ủy ban nhân dân xã L3, huyện S, tỉnh L (Nay là UBND phường C1, thị xã S), trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến cuối năm 2022, anh D và chị L cũng có một số mâu thuẫn do thỉnh thoảng nóng giận anh D có đánh chị L, tuy nhiên anh D cho rằng cuộc sống vợ chồng anh chị vẫn hạnh phúc. Mới đây do chị L hiểu lầm anh D nên hai vợ chồng giận nhau và đã sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 9 năm 2022. Vì hạnh phúc của con cái nên anh D không nhất trí ly hôn với chị L. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống hai vợ chồng có bốn con chung là cháu Lồ Thị M, sinh ngày 24/01/2013, cháu Lồ Thị D1, sinh ngày 02/6/2015, cháu Lồ Thị C, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Lồ Minh P, sinh ngày 14/5/2021. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn giữa hai vợ chồng thì anh D đề nghị

được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 4 cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về thu nhập của cá nhân của anh D: Anh chị đều là lao động tự do, có thu nhập bình quân tại địa phương là 32.000.000 đồng/người/năm, đảm bảo việc nuôi con.

4. Về lệ phí: Anh D đề nghị chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự được bảo đảm đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng luật định.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b, Khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị L. Xử cho chị Lý Thị L được ly hôn với anh Lồ A D3.

- Về con chung: Tòa án đã tiến hành lập biên bản ghi nhận ý kiến của cháu M và cháu D1, cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ. Nên đề nghị Tòa án giao cháu cháu Lồ Thị M, sinh ngày 24/01/2013, cháu Lồ Thị D1, sinh ngày 02/6/2015 cho chị Lý Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cháu Lồ Thị C, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Lồ Minh P, sinh ngày 14/5/2021 cho anh L1 A D3 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu C và cháu P trưởng thành, đủ 18 tuổi, không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung của vợ chồng.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 01/11/2022 chị Lý Thị L có đơn khởi kiện "Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con chung khi ly hôn" đối với anh L1 A D tại Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Đây là quan hệ tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chị Lý Thị L và bị đơn anh L1 A D3 đều cư trú tại: Thôn L,

xã H, thị xã S, tỉnh L, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa đã ban hành các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác, tiến hành công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải vụ kiện cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị L và anh L1 A D kết hôn ngày 30/5/2012 trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau và không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã S, tỉnh Lào Cai (Nay là UBND phường C1, thị xã S, tỉnh Lào Cai). Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của chị L và anh D là hợp pháp.

Tình trạng hôn nhân: Vợ chồng chị L, anh D chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung, anh D thừa nhận thỉnh thoảng do nóng giận nên có đánh chị Lý Thị L, mâu thuẫn của vợ chồng chị L, anh D đã kéo dài từ khoảng tháng 9 năm 2022 đến nay, chị L đã về gần nhà bố mẹ đẻ ở tổ B, phường C, thị xã S, tỉnh Lào Cai để sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân với nhau. Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án nhân dân thị xã Sa Pa xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh L1 A D3. Anh D cho rằng mặc dù giữa vợ chồng có mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn hạnh phúc và vì các con nên anh D không nhất trí ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, trong các bản tự khai tại tòa, chị L và anh D đều thừa nhận giữa hai vợ chồng đã có mâu thuẫn, thỉnh thoảng trong lúc nóng giận anh D có đánh chị L, chị L không còn tình cảm với anh D, không thể sống cùng với anh D nên chị L đã bỏ về gần nhà bố mẹ đẻ, hai vợ chồng sống ly thân với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh D đã kéo dài, hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2022 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, chị L đã về gần nhà bố mẹ đẻ ở tổ B, phường C để sinh sống, hai vợ chồng không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị L là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Lý Thị L và anh L1 A D3 có 04 người con chung là cháu Lồ Thị M, sinh ngày 24/01/2013, cháu Lồ Thị D1, sinh ngày 02/6/2015, cháu Lồ Thị C, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Lồ Minh P, sinh ngày 14/5/2021. Hiện cháu M, cháu D1 và cháu C đang sống chung cùng với ông bà nội từ thứ 2 đến thứ 6, đến thứ 7, chủ nhật thì lên ở với mẹ tại tổ B, phường C, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Cháu P đang ở cùng với mẹ, thỉnh thoảng bố cháu đón về ở với ông bà nội.

Xét nguyện vọng nuôi con của hai bên đương sự và căn cứ quy định của pháp Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử nhận định: Từ khi chị L và

anh D sống ly thân thì bốn con chung của vợ chồng là cháu Lồ Thị M, cháu Lồ Thị D1, cháu Lồ Thị C, và cháu Lồ Minh P sinh sống cùng cả bố và mẹ, lúc ở cùng bố, lúc ở cùng mẹ, chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 cháu Lồ Thị M và Lồ Thị D1 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, cũng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Anh Lồ A D3 nuôi 02 cháu Lồ Thị C và Lồ Minh P đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Anh D không nhất trí ly hôn, tuy nhiên nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn anh D đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 4 cháu Lồ Thị M, Lồ Thị D1, cháu Lồ Thị C và cháu Lồ Minh P đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Xét về khả năng và điều kiện nuôi con của các đương sự: Chị Lồ Thị L2 có công việc mua bán thổ cẩm, có nhà ở tại tổ B, phường C, nên cũng có thu nhập và có chỗ ở ổn định. Anh Lồ A D3 cũng có công việc mua bán thổ cẩm, làm nương, làm ruộng, ở cùng bố mẹ đẻ và cũng có thu nhập và chỗ ở ổn định. Tiến hành xác minh tại địa phương thì lao động tự do, có thu nhập bình quân tại địa phương là 32.000.000 đồng/người/năm. Vì vậy, cả chị L và anh D đều có khả năng và đảm bảo được việc chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng; Căn cứ khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xét thấy cần thiết giao cháu cháu Lồ Thị M, sinh ngày 24/01/2013, cháu Lồ Thị D1, sinh ngày 02/6/2015 cho chị Lý Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu M và cháu D1 trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cháu Lồ Thị C, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Lồ Minh P, sinh ngày 14/5/2021 cho anh L1 A D3 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu C và cháu P trưởng thành, đủ 18 tuổi, không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung của vợ chồng là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh D đề nghị tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Lý Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83; Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 147; Điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị L. Xử cho chị Lý Thị L được ly hôn anh L1 A D3.

2. Về con chung:

Giao cháu cháu Lồ Thị M, sinh ngày 24/01/2013 và cháu Lồ Thị D1, sinh ngày 02/6/2015 cho chị Lý Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu M và cháu D1 trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cháu Lồ Thị C, sinh ngày 03/4/2017 và cháu Lồ Minh P, sinh ngày 14/5/2021 cho anh L1 A D3 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu C và cháu P trưởng thành, đủ 18 tuổi, không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung của vợ chồng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lý Thị L phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Lý Thị L đã nộp tại biên lai số 0005071 ngày 09/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị L và anh L1 A D3 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Vũ Minh Huấn **Đỗ Trọng Bằng** **Nguyễn Mạnh Thắng**